

Số 331/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu
Cung cấp hóa chất xét nghiệm cho Khoa Giải phẫu bệnh**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3446/QĐ-BYT ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chuyển đổi loại hình hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-BVĐHYD ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp hóa chất xét nghiệm cho Khoa Giải phẫu bệnh;

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 12 tháng 02 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất xét nghiệm cho Khoa Giải phẫu bệnh và Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-TTĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất xét nghiệm cho Khoa Giải phẫu bệnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất xét nghiệm cho Khoa Giải phẫu bệnh với các nội dung sau:

- Danh sách nhà thầu trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Số sản phẩm trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VND)
1	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ LIFELABS	4	867.105.960
2	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	24	3.405.185.510
3	Công ty TNHH Sinh Nam	12	383.035.316
4	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Alphachem	1	250.000.000
5	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Vạn Hưng	1	642.600.000
Tổng cộng		42	5.547.926.786

- Giá trúng thầu: 5.547.926.786 VND (Bằng chữ: Năm tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng);
Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan;
- Danh mục chi tiết đính kèm;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Khoa Dược chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đầu thầu, Trưởng Khoa Dược và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCG (B03-059-nhnga) (10).

GIÁM ĐỐC



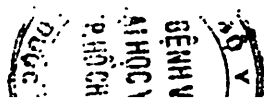
Nguyễn Hoàng Bắc

PHỤ LỤC . DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
(Kèm theo Quyết định số 227/QĐ-BVĐHYD ngày 18 tháng 02 năm 2022)

STT	STT theo HSYC	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Phân loại mức độ rủi ro	Tuổi thọ của hàng hóa	Phân nhóm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
1. Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ LIFELABS										Tổng cộng: 04 danh mục		Trị giá: 867.105.960 VND						
1	1	1	Kéo dán lamén	Kéo dán dùng được trên hệ thống nhuộm dán tiêu bản tự động H&E Dako Coverstainer	Mounting medium	CS703	180000508/PC BA-HCM	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Chai 473 ml	Chai	6	3.309.460	19.856.760	Loại A	12 tháng	Nhóm 3
2	2	2	Bộ kit nhuộm H&E - Hematoxylin; Eosin; Bluing Buffer, Mounting Medium; Cover Glasses	Bộ kit nhuộm H&E sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động Dako Coverstainer bao gồm: (1) Hematoxylin sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, nhuộm nhân màu xanh, chai 1000 ml nhuộm được tối thiểu 3000 lam; (2) Eosin sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, nhuộm tế bào chất, collagen và hồng cầu theo các màu từ hồng đến cam, chai 1000 ml nhuộm được tối thiểu 3000 lam; (3) Bluing Buffer sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, dùng làm buffer cho hematoxylin, chai 1000 ml nhuộm được tối thiểu 3000 lam; (4) Mounting Medium sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, có độ nhớt thấp, khô nhanh, tương thích với các dung dịch có xylene hoặc không có xylene. Dùng dán được tối thiểu 6000 lam; (5) Cover Glasses Kích thước 24 x 50 mm, không bo góc, dùng để dán các mẫu mô dẹt khối, mẫu cắt lạnh, mẫu tế bào. Được thiết kế với kích thước và độ dày phù hợp để dùng được trên các dòng máy dán lamén tự động.	Bộ kit nhuộm H&E - Dako Hematoxylin (CS700); Dako Eosin (CS701); Dako Bluing Buffer (CS702); Dako Mounting Medium 473ml (CS703); Dako Cover Glasses, 1,000 pcs (CS704)	CS700 CS701 CS702 CS703 CS704	7958NK/BYT-TB-CT; 180000508/PC BA-HCM	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Kit 3000 test	Kit	9	76.230.000	686.070.000	CS700 loại C CS701 loại C CS702 loại A CS703 loại A CS704 loại A	12 tháng	Nhóm 3
3	3	3	Tấm kính phủ (lamén) 24x50mm	Tấm kính thủy tinh trong suốt kích thước #24x50mm, dùng được trên hệ thống nhuộm dán tiêu bản tự động H&E Dako Coverstainer	Dako Cover Glass 24 x 50 mm, 1000 pcs	CS704	180000508/PC BA-HCM	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Hộp/ 1000 cái	Hộp	12	4.515.000	54.180.000	Loại A	12 tháng	Nhóm 3
4	4	4	Lam kính chuyên dụng dùng trong hóa mô miễn dịch	Lam kính được phủ chất giúp tăng tính bám dính của mẫu mô được cố định bằng formal và lấy lát cắt sau quá trình xử lý mô, phù hợp cho hóa mô miễn dịch tự động.	FLEX IHC Microscope Slides	K8020	180000508/PC BA-HCM	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Hộp/500 miếng	Hộp	8	13.374.900	106.999.200	Loại A	12 tháng	Nhóm 3
2. Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương										Tổng cộng: 24 danh mục		Trị giá: 3.405.185.510 VND						
5	1	5	Dung dịch rửa sử dụng cho máy khi máu	Là dung dịch hóa chất xét nghiệm dùng trên máy khi máu, điện giải. Chứa nước rửa để rửa các ống của máy Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA/ ISO Bảo quản từ 2- 25 °C Đóng gói: Thùng/2 (hộp x 1850 ml	03260917184 S1 RINSE SOLUTION	03260917184	170001466/PC BA-HCM	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Roche Diagnostics International	Thụy Sĩ	Thùng/ 2 x 1850 ml	Thùng	34	9.240.000	314.160.000	Loại A	23 tháng	Nhóm 3

STT		STT theo HSYC	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Phân loại mức độ rủi ro	Tuổi thọ của hàng hóa	Phân nhóm
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
6	2	6	Hóa chất xét nghiệm khí máu	Lá dung dịch hòa chất xét nghiệm dùng trên máy khí máu, điện giải Chứa 6 dung dịch khác nhau để hiệu chuẩn các thông số khí máu và điện giải Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA/ ISO Bảo quản từ 2- 25 °C Đóng gói: Thùng/1 hộp x 1950ml	03260925184 S2 FLUID PACK	03260925184	10929NK/BYT -TB-CT	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Roche Diagnostics International	Thụy Sĩ	Thùng/ 1 x 1950 ml	Thùng	50	9.240.000	462.000.000	Loại C	17 tháng	Nhóm 3
7	3	7	Dung dịch xét nghiệm khí máu Pack A	Dung dịch thuốc thử dùng cho máy khí máu. Chứa 6 dung dịch khác nhau để hiệu chuẩn các thông số chuyển hóa Bảo quản từ 2- 25 °C Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA/ ISO Đóng gói: Thùng/1 hộp x 1770ml	03260933184 S3 FLUID PACK A	03260933184	10929NK/BYT -TB-CT	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Roche Diagnostics International	Thụy Sĩ	Thùng/ 1 x 1770 ml	Thùng	50	20.895.000	1.044.750.000	Loại C	17 tháng	Nhóm 3
8	4	8	Bộ phát hiện cho tín hiệu màu nâu - DAB, dạng pha sẵn, dùng trong kỹ thuật hóa mô miễn dịch	Bộ phát hiện màu nâu HMMD chứa lượng thuốc thử đủ cho 250 xét nghiệm: (1) Một ống thuốc thử Inhibitor 25 mL chứa dung dịch hydrogen peroxide 3%. (2) Một ống đa kháng thể gắn cộng hợp HRP 25 mL chứa hỗn hợp các kháng thể thử cấp gần HRP (kháng thể kháng IgG chuột từ dê, kháng thể kháng IgM chuột từ dê, kháng thể kháng thỏ từ dê) (<50 µg/mL) trong đệm chứa protein và chất bảo quản ProClin 300. (3) Một ống thuốc thử Chromogen 25 mL chứa 3, 3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride 0.2% trong dung dịch với chất ổn định và chất bảo quản thích hợp. (4) Một ống hóa chất H2O2 25 mL chứa dung dịch đệm phosphate có 0.04% hydrogen peroxide. (5) Một ống hóa chất Copper 25 mL chứa đồng sulfate (5g/L) trong đệm acetate với chất bảo quản thích hợp	05269806001 U DAB Detection Kit	05269806001	15055NK/BYT -TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Bộ/ 250 test	Bộ	18	25.549.230	459.886.140	Loại B	19 tháng	Nhóm 1
9	5	9	Bộ phát hiện cho tín hiệu màu nâu - DAB độ nhạy cao, dạng pha sẵn, dùng trong kỹ thuật hóa mô miễn dịch	Bộ phát hiện màu nâu HMMD loại tăng cường Optiview chứa lượng thuốc thử đủ cho 250 xét nghiệm: Một ống hóa chất Ức chế Peroxidase 25 mL chứa dung dịch hydrogen peroxide 3.0% . Một ống kháng thể HQ Universal Linker 25 mL chứa hỗn hợp các kháng thể thử cấp (kháng thể kháng IgG chuột từ dê, kháng thể kháng IgM chuột từ dê, kháng thể kháng thỏ từ dê) gắn HQ (HQ là một hapten thích hợp để gắn cộng hợp với kháng thể từ dê) (<50 µg/mL) trong đệm chứa protein và chất bảo quản ProClin 300. Một ống hóa chất đa kháng thể gắn cộng hợp HRP 25 mL chứa kháng thể thử 3 là một kháng thể đơn dòng từ chuột kháng HQ được đánh dấu với HRP (<40 µg/mL) trong đệm chứa protein và chất bảo quản ProClin 300. Một ống hóa chất H2O2 25 mL chứa 0.04% hydrogen peroxide trong dung dịch đệm phosphate. Một ống hóa chất DAB 25 mL chứa 0.2% 3, 3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride (DAB) trong dung dịch chứa chất ổn định và chất bảo quản phù hợp. Một ống hóa chất Copper 25 mL chứa đồng sulfate (5.0 g/L) trong đệm acetate với chất bảo quản thích	06396500001 OptiView DAB Detection Kit	06396500001	15055NK/BYT -TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Bộ/ 250 test	Bộ	6	27.300.000	163.800.000	Loại B	21 tháng	Nhóm 1

STT	STT theo IISYC	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Phân loại mức độ rủi ro	Tuổi thọ của hàng hóa	Phân nhóm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
10	6	10	Kháng thể đơn dòng kháng PR (1E2) dạng pha sẵn	CONFIRM anti-PR (1E2) chứa lượng thuốc thử đủ cho 250 xét nghiệm. Một ống thuốc thử 25 mL kháng thể CONFIRM anti-PR (1E2) chứa khoảng 25 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ kháng trực tiếp kháng nguyên PR người. Kháng thể được pha loãng trong Tris-HCl 0.05 M với protein vận chuyển 2% và chất bảo quản ProClin 300 0.1%. Có vết huyết thanh bào thai bê (~0.2%) có nguồn gốc từ Mỹ trong dung dịch gốc. Nồng độ protein toàn phần của thuốc thử khoảng 10 mg/mL. Nồng độ kháng thể đặc hiệu khoảng 1 µg/mL. Không có phản ứng kháng thể không đặc hiệu đã biết quan sát thấy trong sản phẩm này. Kháng thể CONFIRM anti-PR (1E2) là một kháng thể đơn dòng từ thỏ là sản phẩm từ dịch nổi nuôi cấy tế bào.	05277990001 CONFIRM ANTI-PR (1E2)	05277990001	3960NK/BYT-TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	5	12.792.150	63.960.750	Loại B	23 tháng	Nhóm 1
11	7	11	Kháng thể đơn dòng kháng ER (SP1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng ER (SP1) chứa lượng kháng thể đủ sử dụng cho 50 xét nghiệm Kháng thể trong ống phân phối 5 mL chứa khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng được hòa tan trong dung dịch chứa protein mang và chất bảo quản với nồng độ thích hợp	05278406001 CONFIRM ANTI-ER (SP1)	05278406001	3960NK/BYT-TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	5	7.749.000	38.745.000	Loại B	23 tháng	Nhóm 1
12	8	12	Kháng thể đơn dòng kháng HER2/Neu (4B5) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Her2/Neu (4B5) chứa lượng kháng thể đủ sử dụng cho 50 xét nghiệm. Kháng thể trong ống phân phối 5 mL chứa khoảng 30 µg kháng thể đơn dòng được hòa tan trong dung dịch đệm Tris 0.05 M, EDTA 0.01 M, Brij-35 0.05% chứa protein mang và chất bảo quản sodium azide với nồng độ thích hợp	05999570001 Ventana anti-Her2/Neu (4B5)	05999570001	17537NK/BYT-TB-CT	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	5	19.552.050	97.760.250	Loại C	17 tháng	Nhóm 1
13	9	13	Kháng thể đơn dòng kháng Ki-67 (30-9) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Ki67 (30-9) chứa lượng kháng thể đủ sử dụng cho 50 xét nghiệm. Kháng thể trong ống phân phối 5 mL chứa khoảng 10 µg kháng thể đơn dòng được hòa tan trong dung dịch chứa protein mang và chất bảo quản với nồng độ thích hợp	05278384001 CONFIRM Ki-67 (30-9)	05278384001	3960NK/BYT-TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	9	9.232.650	83.093.850	Loại B	24 tháng	Nhóm 1
15	10	15	Kháng thể đơn dòng kháng TTF-1 (SP141) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng TTF-1 (SP141) chứa lượng kháng thể đủ sử dụng cho 50 xét nghiệm. Kháng thể trong ống phân phối 5 mL chứa khoảng 28,5 µg kháng thể đơn dòng được hòa tan trong dung dịch đệm Tris pH 7.5 chứa protein mang và chất bảo quản sodium azide với nồng độ thích hợp	06640613001 TTF-1 (SP141) PAB	06640613001	3457NK/BYT-TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	1	6.899.550	6.899.550	Loại B	24 tháng	Nhóm 1
16	11	16	Kháng thể đơn dòng kháng Cytokeratin 20 (SP33), dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK20 (SP33) chứa lượng kháng thể đủ sử dụng cho 50 xét nghiệm. Kháng thể trong ống phân phối 5 mL chứa khoảng 9,5 µg kháng thể đơn dòng được hòa tan trong dung dịch Tris-HCl 0,05 M chứa protein mang và chất bảo quản ProClin 300 với nồng độ thích hợp	05587760001 CONFIRM CK20 (SP33)	05587760001	8871NK/BYT-TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	1	11.760.000	11.760.000	Loại B	24 tháng	Nhóm 1



12

STT		STT theo HSYC	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Phân loại mức độ rủi ro	Tuổi thọ của hàng hóa	Phân nhóm
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
17	12	17	Kháng thể đơn dòng kháng p63, dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng p63 (4A4) chứa lượng kháng thể đủ sử dụng cho 50 xét nghiệm. Kháng thể trong ống phản phối 5 mL chứa khoảng 0.7 µg kháng thể đơn dòng được hòa tan trong dung dịch 0.05 M Tris-HCL chứa protein mang và chất bảo quản ProClin 300 với nồng độ thích hợp	05867061001 p63 (4A4)	05867061001	3960NK/BYT-TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	2	8.117.550	16.235.100	Loại B	24 tháng	Nhóm I
19	13	19	Kháng thể đơn dòng kháng Synaptophysin (SP11), dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Synaptophysin (SP11) chứa lượng kháng thể đủ sử dụng cho 50 xét nghiệm. Kháng thể trong ống phản phối 5 mL chứa khoảng 2.6 µg kháng thể đơn dòng được hòa tan trong dung dịch đệm phosphate chứa protein mang và chất bảo quản ProClin 300 với nồng độ thích hợp	05479304001 CONFIRM Synaptophysin (SP11)	05479304001	8871NK/BYT-TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	1	8.494.500	8.494.500	Loại B	23 tháng	Nhóm I
20	14	20	Kháng thể đơn dòng kháng S100 (4C4.9), dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng S100 (4C4.9) chứa lượng kháng thể đủ dùng cho 50 xét nghiệm. Kháng thể trong ống phản phối 5 mL chứa kháng thể được hòa tan trong dung dịch chứa protein mang và chất bảo quản với nồng độ thích hợp	05278104001 CONFIRM anti-S100 (4C4.9)	05278104001	8871NK/BYT-TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	1	6.532.050	6.532.050	Loại B	24 tháng	Nhóm I
21	15	21	Kháng thể đơn dòng kháng CD3 (2GV6), dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD3 (2GV6) chứa lượng kháng thể đủ sử dụng cho 50 xét nghiệm. Kháng thể trong ống phản phối 5 mL chứa khoảng 2 µg kháng thể đơn dòng được hòa tan trong dung dịch Tris-HCl 0.05 M chứa protein mang và chất bảo quản ProClin 300 với nồng độ thích hợp	05278422001 CONFIRM CD3 (2GV6)	05278422001	8871NK/BYT-TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	1	8.287.650	8.287.650	Loại B	24 tháng	Nhóm I
23	16	23	Kháng thể đơn dòng kháng Vimentin (V9), dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Vimentin (V9) chứa lượng kháng thể đủ dùng cho 50 xét nghiệm. Kháng thể trong ống phản phối 5 mL chứa khoảng 12.5 µg kháng thể được hòa tan trong dung dịch chứa protein mang và chất bảo quản với nồng độ thích hợp	05278139001 CONFIRM Vimentin (V9)	05278139001	3960NK/BYT-TB-CT	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 50 test	Hộp	1	7.238.700	7.238.700	Loại B	23 tháng	Nhóm I
24	17	24	Thuốc nhuộm hematoxylin II dùng trong kỹ thuật hóa mô miễn dịch, dạng pha sẵn	1 ống phản phối thuốc thử Hematoxylin dung tích 25 mL có nồng độ Hematoxylin ≤60% trong dung dịch glycol và chất ổn định là acid acetic	05277965001 Hematoxylin II	05277965001	180000430/PC BA-HCM	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 250 test	Hộp	5	3.471.250	17.356.250	Loại A	24 tháng	Nhóm I
25	18	25	Hóa chất làm xanh nền hematoxylin giúp tăng độ tương phản, dạng pha sẵn	Mỗi ống chất làm xanh chứa 25 mL thuốc thử pha sẵn là dung dịch chứa 0.1 M lithium carbonate và 0.5 M natri carbonate	05266769001 BLUING REAGENT	05266769001	170001242/PC BA-HCM	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Hộp/ 250 test	Hộp	5	2.363.550	11.817.750	Loại A	24 tháng	Nhóm I
26	19	26	Dung dịch khử parafin trên lát cắt mô bệnh phẩm dầm đặc 10X	Một bình dung dịch loại nền có đặc 10 lần có dung tích 2L, chứa dung dịch tẩy rửa nhẹ và chất ổn định là 0.5% ProClin 300	05279771001 10X EZ PREP SOLUTION, 2L	05279771001	180000430/PC BA-HCM	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Bình/ 2L	Bình	24	11.879.910	285.117.840	Loại A	24 tháng	Nhóm I
27	20	27	Dung dịch rửa nghiệm ngắt dòng cho kỹ thuật hóa mô miễn dịch	Một bình dung dịch SSC có đặc 10 lần có dung tích 2L chứa dung dịch natri chloride, natri citrate và chất bảo quản thích hợp.	05353947001 10X SSC SOLUTION, 2L	05353947001	180000430/PC BA-HCM	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Bình/ 2L	Bình	2	2.672.985	5.345.970	Loại A	24 tháng	Nhóm I
28	21	28	Dung dịch điều chỉnh môi trường phản ứng trên tiêu bản nhuộm hóa mô miễn dịch	1 bình dung dịch rửa đang có đặc 10 lần dung tích 2L chứa một dung dịch đệm Tris và chất bảo quản	05353955001 Reaction Buffer (10X)	05353955001	180000430/PC BA-HCM	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Bình/ 2L	Bình	36	2.227.250	80.181.000	Loại A	24 tháng	Nhóm I

STT	STT theo HSYC	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Phân loại mức độ rủi ro	Tuổi thọ của hàng hóa	Phân nhóm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
29	22	29	Dung dịch dầu khoáng nhẹ chống bay hơi hóa chất trên tiêu bản nhuộm hóa mô miễn dịch	Một chai 2 lít dung dịch dầu khoáng nhẹ phù tiêu bản, loại Ultra (pha sẵn) chứa một hydrocarbon paraffin hóa tỷ trọng thấp với dầu khoáng	05424534001 BenchMark Ultra LCS	05424534001	180000430/PC BA-HCM	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Bình/ 2L	Bình	72	1.930.530	138.998.160	Loại A	17 tháng	Nhóm 1
30	23	30	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên trên lát cắt mô bệnh phẩm	Một chai dung dịch bộc lộ kháng nguyên số 1, loại Ultra có dung tích 2 L chứa một dung dịch đậm Tris và một chất bảo quản	05424569001 Benchmark ULTRA CC1	05424569001	180000430/PC BA-HCM	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Bình/ 2L	Bình	1	20.790.000	20.790.000	Loại A	24 tháng	Nhóm 1
31	24	31	Dung dịch xử lý tế bào trên lát cắt mô bệnh phẩm	Một chai dung dịch bộc lộ kháng nguyên số 2, loại Ultra có dung tích 1L, chứa dung dịch đậm citrate và ProClin 300 là chất bảo quản.	05424542001 Benchmark ULTRA CC2	05424542001	170001886/PC BA-HCM	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Ventana	Mỹ	Bình/ 1L	Bình	2	25.987.500	51.975.000	Loại A	24 tháng	Nhóm 1
3. Công ty TNHH Sinh Nam							Tổng cộng: 12 danh mục					Trị giá: 383.035.316 VND						
32	1	32	Dung dịch Cryomatrix	- Tạo liên kết vững chắc với dung cụ giữ mẫu giúp mẫu mô an toàn. - Bị loại bỏ trong quá trình nhuộm. - Đóng lạnh nhanh, lát cắt phẳng và tan trong nước mà không có cặn bã	Chất nền phủ mẫu Cryomatrix	6769006	210000282/PC BA-HN	Epredia/ Mỹ	Richard - Allan Scientific	Mỹ	Hộp/ 4 chai x 120 ml	Chai	60	422.400	25.344.000	Loại A	≥ 12 tháng	Nhóm 1
33	2	33	Parafin tinh khiết	Paraffin rắn dạng vảy, không chứa polyme, điểm nóng chảy trong khoảng 55 - 57 độ C. Ở nhiệt độ phòng là chất rắn, màu trắng. Khi nóng chảy chuyển sang dạng lỏng, không màu. Được thiết kế đặc biệt để xử lý mô và nhúng mô học/tế bào học. Thành phần: paraffin waxes và Hydrocarbons waxes; 2,6-Di-tert-butyl-p-cresol; Microcrystalline wax	Paraffin type 6/sáp parafin để cố định mẫu	8336	210000282/PC BA-HN	Epredia/ Mỹ	Richard - Allan Scientific	Mỹ	Thùng/ 10 x 0,9 kg	Kg	243	385.000	93.555.000	Loại A	≥ 12 tháng	Nhóm 1
34	3	34	Clear Rite 3 - Chất thay thế Xylene	- Thành phần: hỗn hợp Isoparaffinic và hydrocarbon - Loại bỏ chất béo tuyệt đối trong xử lý mô - Giúp cho quá trình khử parafin được hoàn thiện và làm nhuộm trong suốt - Không làm cho mẫu bị khô cứng khi phơi nhiễm kéo dài - Sử dụng được cho tất cả các máy xử lý mô và máy nhuộm tự động - Không benzene - Rất ít mùi	Chất xử lý tế bào Clearant, Clear-Rite 3	6901	210000281/PC BA-HN	Epredia/ Mỹ	Richard - Allan Scientific Co.,	Mỹ	Thùng/ 4x3,8 lit	Chai	36	1.755.600	63.201.600	Loại A	≥ 12 tháng	Nhóm 1
36	4	36	Lam nhuộm hóa mô miễn dịch	Bề mặt lam được phủ polysine hoặc tích điện dương để kết dính tế bào đúng trong kỹ thuật hóa mô miễn dịch. Chất liệu: thủy tinh, chịu được nhiệt độ >96 độ C. Kích cỡ: #25x75mm Độ dày: #1-1,2mm	Lam kính mài hai đầu	6776214	210001426/PC BA-HN	Epredia/ Mỹ	Gerhard Menzel GmbH/ Thermo Fisher Scientific	Đức/Mỹ	Hộp/72 cái	Cái	2.880	18.040	51.955.200	Loại A	≥ 12 tháng	Nhóm 3
37	5	37	Instant Hematoxylin Quy cách: bộ gồm 6 lọ A, 6 lọ B	- Có thể được Sử dụng thay thế cho Harris hoặc Gill - Màu nhuộm từ xanh đen đến xanh nhạt tùy thuộc vào quá trình chuẩn bị - phần A và phần B được hoàn nguyên để tạo ra một lít hematoxylin	Thuốc nhuộm tiêu bản Hematoxylin (gồm 6 lọ A 53,6 gm + 6 lọ B 46,8 gm)	6765015	210001016/PC BA-HN	Epredia/ Mỹ	Richard - Allan Scientific	Mỹ	Hộp/ 6A+6B	Hộp	2	5.698.000	11.396.000	Loại A	≥ 12 tháng	Nhóm 1
38	6	38	Hóa chất nhuộm tế bào OG-6	Nhuộm keratin trong tế bào, màu nhuộm sáng, bắt màu nhanh	Hóa chất nhuộm tế bào OG-6	75204	210001016/PC BA-HN	Epredia/ Mỹ	Richard - Allan Scientific	Mỹ	Hộp/ 4x 473ml	Chai	12	726.000	8.712.000	Loại A	≥ 12 tháng	Nhóm 1



1

